TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-PT
Ngày 29 - 4 - 2025
V/v *"Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Thảo

Các Thẩm phán: ông Quách Thành Trung và bà Phạm Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai".

Do bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N B (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025 ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Trần Minh Kh , sinh năm 1960; địa chỉ: số 13, ngõ 44, đường Kim Đồng, phố Phúc H , phường Phúc Th (nay là phường Vân Gi), thành phố Hoa L , tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh Kh : bà Vũ Thị H , sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà 13, ngõ 44, đường Kim Đồng, phố Phúc H , phường Phúc

Th (nay là phường Vân Gi), thành phố Hoa L , tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/8/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Minh Kh : ông Lê Anh Ngọc và ông Bùi Thiên Ẩn - Luật sư Công ty Luật TNHH cấp cao Hà Nội thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: số 55, ngõ 159 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Ông Trần Cảnh Kh1 , sinh năm 1938; nơi cư trú cuối cùng: thôn Đông Thượng, xã Ninh Ph , thành phố N B (nay là thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình (đã chết ngày 05/01/2016).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Cảnh Kh1 :

- Bà Nguyễn Thị B , sinh năm 1949; địa chỉ: thôn Đông Thượng, xã Ninh Ph , thành phố N B (nay là thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trần Minh Kh2 , sinh năm 1971; địa chỉ: phố Thiên Sơn, thị trấn Thiên T , huyện Hoa L , (nay là thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

- Bà Trần Quỳnh Th , sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đoài Hạ, xã Ninh Ph , thành phố Ninh Bình, (nay là thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trần Minh Kh3 , sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà 32, đường Vũ Duy Thanh, tổ 10A, phường Bắc S, thành phố T Đ , tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trần Minh Kh , sinh năm 1960; địa chỉ: số 13, ngõ 44, đường Kim Đồng, phố Phúc H , phường Phúc Th (nay là phường Vân Gi), thành phố Hoa L , tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: ông Phạm Đăng Kh4 , sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị N , sinh năm 1962; cùng địa chỉ: ngõ 2, đường 3, phố Đại Phong, phường N B, thành phố N B (nay là thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố N B (nay là UBND thành phố Hoa L); địa chỉ: thị trấn Thiên T , thành phố Hoa L , tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của UBND thành phố Hoa L : ông Lê Tiến D ũng - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hoa L là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1501/QĐ-UBND ngày 18/3/2025).

4. Người kháng cáo: ông Trần Minh Kh là nguyên đơn.

(Tại phiên tòa: có mặt ông Trần Minh Kh , bà Vũ Thị H , bà Đỗ Thị N ; vắng mặt: ông Phạm Đăng Kh4 , bà Nguyễn Thị B , ông Trần Minh Kh2 , ông

Trần Minh Kh3 , bà Trần Quỳnh Th , ông Lê Tiến D ũng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Cảnh Kh1 , anh Trần Minh Kh và người đại diện hợp pháp của anh Kh là chị Vũ Thị H trình bày:

Năm 1990, ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh được Nhà nước cấp 01 mảnh đất ở tại khu B6 phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình (nay là đường 3, phố Phúc H , phường Vân Gi , thành phố Ninh Bình) và đã được UBND tỉnh Hà Nam Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số AO 59400 ngày 05/11/1991 mang tên ông Trần Cảnh Kh1 diện tích 60m^2, kích thước rộng 4m dài 15m. Sau đó, vì trong khu B6 có một ngõ cụt giáp với Trường bổ túc văn hóa tỉnh, không ai sử dụng nên cả dãy B6 xin phép Ủy ban phường Lương Văn T chia đều cho tất cả các nhà. Ủy ban phường đã nhất trí nên mỗi chủ sử dụng đất tại khu B6 được chia thêm 10cm đất, vì vậy chiều rộng của mỗi chủ sử dụng đất tại khu B6 được tăng thêm 10cm nên chiều rộng là 4,1m; đến ngày 27/7/2004, mảnh đất này được UBND thị xã Ninh Bình cấp GCNQSD đất đứng tên ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh tại tờ bản đồ số 24, thửa số 342 (phường Phúc Th), diện tích 62,8m^2, kích thước chiều rộng phía Bắc giáp đường là 4,1m, phía Nam giáp rãnh nước là 4,1m; chiều dài phía Tây giáp nhà anh Kh4 là 14,7m, phía Đông giáp ông Tiệm là 15,5m. Hiện tại gia đình anh đang thực tế quản lý sử dụng 67m^2 đất (diện tích đất tăng so với GCNQSD đất do tăng về chiều dài thửa đất).

Sau khi được chia đất, gia đình anh có xây 01 nhà tạm (xây ở phần giữa đất, xây chưa hết chiều rộng) nhưng không ở vì điều kiện công tác. Gia đình ông Tiệm xây nhà ngay sau khi chia đất (đến nay ông Tiệm vẫn đủ đất); gia đình anh Kh4 xây nhà và các công trình từ khi nào không rõ. Đến tháng 3/2007, gia đình anh mới có điều kiện để xây nhà, khi khảo sát đất để xây nhà thì phát hiện thấy nhà anh Kh4 chị Nữ đã xây dựng lấn chiếm sang phần đất của gia đình là 2,1m^2, kích thước phía Tây Bắc lấn sang 5cm; phía Tây Nam lấn sang 6cm, ở đoạn giữa phía Tây lấn sang 20cm, phần lấn sang ở phía gần đường đi anh Kh4 xây nhà ở, phần giữa anh Kh4 xây hành lang, phần cuối là công trình phụ. Ngoài phần xây lấn đất, gia đình anh Kh4 còn xây dựng 1 số chi tiết của nhà lấn sang khoảng không của gia đình dẫn đến gia đình không xây dựng được nhà, cụ thể: phía giáp đường cách mặt đất khoảng 4m vướng tầng 2, phần tường dài khoảng 5,5m, rộng khoảng 5cm; khoảng giữa đất

vướng lan can sắt và mái hiên bê tông công trình phụ khoảng 6m, phần cuối là tường công trình phụ tầng 2 dài khoảng 3m, rộng từ 20cm đến 6cm.

Sau khi phát hiện ra đất và khoảng không nhà bị gia đình anh Kh4 lấn, gia đình anh đã gặp gia đình anh Kh4 giải quyết, đề nghị giữ nguyên tình trạng đất và đề nghị gia đình anh Kh4 cắt phần lấn khoảng không ở lan can tầng 2 để gia đình anh xây thẳng tường, gia đình anh Kh4 đã nhất trí nhưng ngay sau đó lại đổi ý không cắt bỏ phần lan can. Vì vậy, gia đình anh đã làm đơn gửi UBND phường giải quyết, UBND phường đã tiến hành kiểm tra thực địa, hòa giải nhưng không thành nên ông Trần Cảnh Kh1 và anh khởi k iện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Phạm Đăng Kh4 , chị Đỗ Thị N trả lại cho gia đình anh phần diện tích đất đã xây dựng trái phép, lấn chiếm sang phần đất ở của gia đình anh phía Tây Bắc 5cm, phía Tây Nam giáp cống rãnh 5cm, phía Tây gần giữa đất lấn chiếm chỗ sâu nhất 20cm; buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm và bồi thường thiệt hại trong việc làm hư hỏng tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Cảnh Kh1 là chị Trần Quỳnh Th trình bày:

Chị xin rút không tham gia tố tụng vì chị chỉ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị không trực tiếp có đơn khởi kiện, toàn bộ vụ việc tố tụng chị không được biết, mọi tài liệu chứng cứ chị cũng không được rõ từ khi vụ án bắt đầu cho đến hiện tại nhận được thông báo của Tòa. Chị đề nghị Tòa án đưa chị ra khỏi vụ án tố tụng của ông Trần Cảnh Kh1 (nguyên đơn) trong vụ án dân sự số 03/2024/TLST-DS ngày 09/01/2024 về việc "Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai".

Trước đây, chị có ký Giấy ủy quyền cho anh Trần Minh Kh đại diện cho chị thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Cảnh Kh1 trong vụ án dân sự số 09/2009/TLST-DS ngày 01/6/2009. Nay chị hủy bỏ Giấy ủy quyền nêu trên. Văn bản hủy bỏ Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày được chứng thực của UBND phường Phúc Th , thành phố Ninh Bình. Chị cam kết thực hiện các nghĩa vụ: thông báo cho anh Trần Minh Kh nhân danh đại diện cho chị theo nội dung Giấy ủy quyền trước đây biết Giấy ủy quyền đã không còn hiệu lực theo quy định của pháp luật; Thông báo với Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức có liên quan về việc hủy bỏ Giấy ủy quyền đã không còn hiệu lực theo quy định của pháp luật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đăng Kh4 chị Đỗ Thị N trình bày:

Nguồn gốc đất anh chị đang ở được chia năm 1990. Trong chủ trương chung chia đất của phòng địa chính lúc bấy giờ là rộng 4m dài 15m. Đất nhà anh chị được cắm mốc chiều ngang 4,2m và chiều dài 15m. Lúc bấy giờ dãy B6 thuộc khu B nhà tạm có 6 gian cho 6 hộ gia đình ngoài nhà anh chị ra có 4 nhà nữa chiều ngang lớn hơn 4m vì hai lí do: thứ nhất, đất chia từ đầu ngoài đường Kim Đồng vào đến dãy B6 chúng tôi là cuối cùng còn lại phía Tây là đất của trường bổ túc bỏ trống nên một số nhà đã lấn sang phần đất bỏ trống đó; thứ hai: vì lúc kéo dây cắm mốc vẫn còn nhà tạm cấp 4 ở giữa nên căng dây không chuẩn một số gia đình đã được lớn hơn 4m. Anh Kh trình bày vì trong khu B6 có một ngõ cụt giáp với trường bổ túc văn hóa tỉnh, không ai sử dụng nên cả dãy B6 xin phép Ủy ban phường Lương Văn T chia đều cho tất cả các nhà, Ủy ban phường đã nhất trí nên mỗi chủ sử dụng đất tại khu B6 được chia thêm 10cm đất vì vậy chiều rộng của mỗi chủ sử dụng đất được tăng thêm 10cm nên rộng 4,1m là hoàn toàn bịa đặt, không có thực, ẫu trĩ vì UBND phường không có quyền cho dãy B6 thêm đất.

Đặc điểm xây dựng của gia đình anh chị và thời điểm xây dựng như sau: anh chị xây dựng công trình trên diện tích đất được chia năm 1990 và làm lại công trình phụ năm 1998.

Về đặc điểm xây dụng, chiều dài chia thành 3 phần:

Phần 1: nhà trên dài 6m xây năm 1990 chia đất xong anh chị xây móng, 4 năm sau mới có điều kiện xây nhà. Thời gian anh Kh ở đó và đã đo đạc đất đang ở nhiều lần và không có ý kiến gì.

Phần 2: là gian buồng và hành lang giáp nhà anh Kh dài 6.3m anh chị không xây gì kể cả móng.

Phần 3: là bếp mái ngói dài 3m. Năm 1998 anh chị dỡ mái ngói và làm mái bằng kiên cố. Lúc đấy anh Kh ở đó và lấy cái vòi nước ở sau làm chuẩn đo tới tường nhà anh chị là 15cm. Anh Kh đã kiểm tra 15cm này nhiều lần và không có ý kiến gì.

Anh chị khẳng định đất nhà anh Kh được cắm mốc năm 1990 chiều ngang là đúng 4m cũng như nhiều nhà khác. Thực tế hiện nay đất nhà anh Kh đằng trước và sau là trong khoảng 4,03m đến 4,05m nên thực tế là đủ. Ngoài ra đằng sau giáp với tường nhà tôi còn khe hở khoảng 3cm đến 4cm anh Kh xây sau nên được tính vào đất nhà anh Kh .

Anh Kh trình bày giữa thửa đất thiếu 20cm là vô lí vì: trong khoảng đó là hành lang nhà anh chị dài 6,3m, trong 6,3m đó thì có 5,3m là tường gạch xỉ của nhà anh Kh xây khi vừa chia đất xong, cuối năm 2006 anh Kh dỡ tường này ra xây móng nguyên trên nền tường đó mà lại nói gia đình anh chị lấn 20cm, thực tế ở giữa (trong khoảng dài 9m) nhà anh chị đều thiếu có điểm chỉ được 4,03m.

Cuối năm 2006, anh Kh xây nhà vì muốn cho góc nhà ngoài vuông nên đã bảo thợ xây xây vếch sang hàng lang nhà anh chị ăn vào tường bếp nhà anh chị chỗ nhiều nhất là 8cm. Anh chị có phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này nhưng hiện nay UBND thành phố N B đã ra Quyết định về việc thu hồi GSNQSD đất của gia đình anh chị với lý do việc cấp đổi lại GCNQSD đất mang tên Phạm Đăng Kh4 và Đỗ Thị N tăng hơn diện tích hợp pháp ban đầu là 2,4m^2. Đến nay, UBND thành phố N B chưa cấp lại GCNQSD đất cho anh chị, anh chị không biết được sử dụng bao nhiêu mét vuông đất, chiều dài các cạnh là bao nhiêu nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Hiện nay, UBND thành phố đã ra Quyết định về việc thu hồi GSNQSD đất cấp cho ông Kh 1 bà Khước năm 2004 và chưa cấp lại. Vậy, nguyên đơn căn cứ vào đâu để nói anh chị lấn chiếm đất của nguyên đơn, thực tế đo đạc tổng diện tích đất nhà anh Kh hiện đang quản lý, sử dụng nhiều hơn diện tích đất được Nhà nước cho phép sử dụng.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngấm tường, nứt mái không có căn cứ, anh chị không làm gì ảnh hưởng đến công trình xây dựng của nhà anh Kh , gia đình anh chị xây nhà trước, nhà anh Kh xây sau, tường nhà anh Kh tiếp giáp nhà anh chị không trát, nên tường ngấm là do nhà anh Kh ; tường, mái nhà anh Kh có bị nứt trong xây dựng có nhiều nguyên nhân tác động đến, nhà anh chị xây trước hiện nay cũng bị nứt.

Anh chị đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với vợ chồng anh chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố N B trình bày:

Căn cứ Văn bản số 01/CV-TA ngày 28/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, UBND thành phố N B đã giao cho các cơ quan chuyên môn của thành phố kiểm tra, rà soát việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh và GCNQSD đất cho hộ anh Phạm Đăng Kh4 và chị Đỗ Thị N . Kết quả sau khi kiểm tra, rà soát thấy rằng: năm 2004, thực hiện dự án 401 (dự án

chỉnh lý biến động đất đai và cấp đổi lại GCNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường) để cấp đổi GCNQSD đất cho hộ ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh (trong khi bà Khước đã chết trước đó 36 năm) và tăng 2,8m^2 so với GCNQSD đất đã cấp năm 1991 là không đúng quy định của pháp luật; GCNQSD đất ghi tên hộ anh Phạm Đăng Kh4 và chị Đỗ Thị N tăng 2,4m^2 so với GCNQSD đất đã cấp năm 1991 là không đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 08/11/2011, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND, ngày 04/6/2013 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1261/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất ghi tên ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh tại phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố N B và Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 về việc thu hồi GCNQSD đất ghi tên anh Phạm Đăng Kh4 và chị Đỗ Thị N tại phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố N B và UBND phường Phúc Th đã thực hiện thu hồi 02 GCNQSD đất nêu trên. Như vậy, việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Trần Cảnh Kh1 và hộ anh Phạm Đăng Kh4 được UBND thành phố thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

** Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án:*

- Trích lục bản đồ năm 1991, Tờ bản đồ số 2, thửa 366 Kh4 61m^2, thửa 367 Kh 1 60m^2.

- GCNQSD đất số A 959400 ngày 05/11/1991 ông Trần Cảnh Kh1 được quyền sử dụng 60m^2 đất tại thửa 367 tờ bản đồ số 2 tại phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình, tỉnh Hà Nam Ninh (không thể hiện kích thước).

- GCNQSD đất số Y770646 ngày 27/7/2004 ông Trần Cảnh Kh1 , bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng 62,8m^2 đất tại thửa 342 tờ bản đồ số 24; kích thước (4,1 x 15,5 x 4,1 x 14,7) m tại phường Phúc Th , thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Sổ mục kê năm 2005 phường Phúc Th : hộ ông Kh 1 thửa 342 diện tích 62,8m^2, hộ ông Kh4 thửa 343 diện tích 63,4m^2.

- Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND thành phố N B về việc thu hồi GCNQSD đất của ông Trần Cảnh Kh1 phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố N B thu hồi GCNQSD đất số Y770646 ngày 27/7/2004 của UBND thị xã Ninh Bình đã cấp mang tên ông Trần Cảnh Kh1 , vợ là Nguyễn Thị Kh tờ 24, thửa 342, diện tích 62,8m^2, bản đồ địa chính phường Phúc Th ; giao UBND phường

Phúc Th thực hiện việc thu hồi GCNQSD đất nêu trên đồng thời hướng dẫn ông Trần Cảnh Kh1 làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất theo quy định hiện hành.

- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của UBND thành phố N B về việc thu hồi GCNQSD đất của ông Trần Cảnh Kh1 phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố N B thu hồi GCNQSD đất số Y770646 ngày 27/7/2004 của UBND thị xã Ninh Bình đã cấp mang tên ông Trần Cảnh Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh thửa tại 342, tờ bản đồ số 24, phố Phúc H , phường Phúc Th ; giao UBND phường Phúc Th thực hiện việc thu hồi GCNQSD đất nêu trên; Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND thành phố Ninh Bình.

- GCNQSD đất số A959398 ngày 05/11/1991 anh Phạm Đăng Kh4 được quyền sử dụng 61m^2 đất tại thửa 366, tờ bản đồ số 2 tại phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình, tỉnh Hà Nam Ninh (không thể hiện kích thước).

- GCNQSD đất số Y770645 ngày 27/7/2004 anh Phạm Đăng Kh4 , chị Đỗ Thị N được quyền sử dụng 63,4m^2 đất, thửa 343 tờ bản đồ số 24 tại phường Phúc Th , thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, kích thước [4,2 x (14,7 + 0,9) x 4,2 x (2,9 + 12,5)]m

- Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 của UBND thành phố N B về việc thu hồi GCNQSD đất của ông Phạm Đăng Kh4 phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố N B thu hồi GCNQSD đất số Y770645 ngày 27/7/2004 của UBND thị xã Ninh Bình đã cấp mang tên ông Phạm Đăng Kh4 , vợ là Đỗ Thị N thuộc tờ 24, thửa 343, diện tích 63,4m^2, bản đồ địa chính phường Phúc Th ; giao UBND phường Phúc Th thực hiện việc thu hồi GCNQSD đất nêu trên đồng thời hướng dẫn ông Phạm Đăng Kh4 làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất theo quy định hiện hành.

- Biên bản kiểm tra thực địa ngày 06/7/2012 của UBND phường Phúc Th đối với thửa 342 tờ 24 bản đồ địa chính phường Phúc Th lập năm 2003, kết quả như sau: phía Bắc giáp đường dài 4,05m, phía Đông giáp đất ông Tiệm dài 16,25m, phía Tây giáp đất ông Kh4 dài (3,24, + 12,8)m, phía Nam giáp rãnh dài 4,06m, đoạn giữa từ rãnh lên 3,24m dài 3,9m

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N B kết quả:

+ Về đất hộ gia đình ông Kh : chiều dài giáp nhà ông Kh4 16,19m; chiều dài giáp nhà ông Tiệm 16,25m; chiều rộng giáp đường điểm A 4,05m; điểm B 4,02m; điểm C 3,99m; điểm D 3,94m; chiều rộng giáp cống rãnh 4m;

+ Về đất hộ gia đình ông Kh 4 : chiều dài giáp nhà ông Chu 15,94m; chiều dài giáp nhà ông Kh 16,09m; chiều rộng giáp đường điểm A’ 4,17m; điểm B’ 4,06m; điểm C’ 4,03m; điểm D’ 4,10m; từ D’ đến G, từ G đến H 0,07m; chiều rộng đến điểm F’ 4,12m. Tổng chiều rộng phía rãnh nước của hai nhà là 8,16m. Trong đó giữa hai nhà có một khe rộng 0,04m.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N B kết quả:

+ Về đất:

Hộ gia đình ông Kh : phía Đông giáp đất hộ ông Tiệm 17,88m; phía Tây giáp đất hộ ông Kh4 17,36m; phía Bắc giáp đường 4,18m; phía Nam giáp rãnh nước 4m; Tổng diện tích 72,1m^2;

Hộ gia đình ông Kh 4 : phía Đông giáp đất hộ ông Kh 17,36m; phía Tây giáp đất hộ ông Chu 17,02m; phía Nam giáp rãnh nước 4,12m; đoạn khe hở tiếp giáp 02 nhà 0,04m; phía Bắc giáp đường 4,05m; Tổng diện tích 72,8m^2.

Phần diện tích đất tranh chấp: phía Bắc 0,05m; phía Nam tiếp giáp giữa nhà ông Kh4 và nhà ông Kh chiều dài 17,35m; diện tích 2,3m^2.

+ Tài sản trên đất tranh chấp:

Hộ ông Kh : nhà 01 tầng xây năm 2017, móng xây gạch đỏ đổ giằng, tường gạch đỏ trát xi măng, kích thước tường trên đất tranh chấp đoạn một 6,088m^3, đoạn hai 2,36m^3.

Hộ ông Kh 4 : nhà 02 tầng xây năm 1993, móng xây đá hộc đổ giằng móng, tường gạch đỏ kích thước tường trên đất tranh chấp đoạn một 5,032m^3, đoạn hai 2,183m^3.

- Biên bản định giá tài sản ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N B kết quả:

+ Giá đất theo giá chuyển nhượng trên thị trường 25.000.000đồng/m^2;

+ Tài sản trên đất tranh chấp hộ ông Kh : 02 đoạn tường giá trị là 1.872.881 đồng.

+ Tài sản trên đất tranh chấp hộ ông Kh 4 : 02 đoạn tường giá trị là 4.273.368 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/9/2023 nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

đã căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc "Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai"

Ngày 20/9/2023, anh Trần Minh Kh là nguyên đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, đề nghị Toà án sơ thẩm tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2023/QĐ-PT ngày 14/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố N B thụ lý lại vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Minh Kh đề nghị Tòa án:

Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn là 2,3m^2 đất tại phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Vị trí, kích thước như sau: từ phía bắc thửa đất giáp ngõ 44 sâu vào trong thửa đất dài 6,8m x 0,05m; đoạn tiếp dài 10m x 0,2m; đoạn tiếp theo dài 0.55m x 0.05m và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/9/2024.

Anh Kh đề nghị Tòa án:

- Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn là 2,8m^2 đất tại phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Vị trí, kích thước như sau: từ phía Bắc thửa đất giáp ngõ 44 sâu vào trong thửa đất dài 6,8m x 0,05m; đoạn tiếp dài 10m x 0,2m; đoạn tiếp theo dài 0,55m x 0,05m; bồi thường thiệt hại trong việc làm hư hỏng tài sản do nhà anh bị nước ngấm rất nhiều ảnh hưởng công trình nhà ở, ẩm thấp, ảnh hưởng đến sức khỏe của cả gia đình. Căn cứ kết thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án ngày 01/6/2023 để đánh giá thiệt hại và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm.

- Đề nghị Tòa án hủy bỏ những văn bản và Quyết định trái với luật gồm: Công văn số 01/CV-TA ngày 28/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N B do

vượt quá thẩm quyền; Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của UBND thành phố N B về việc thu hồi GCNQSD đất số Y770646 ngày 27/7/2004 của UBND thị xã Ninh Bình đã cấp mang tên ông Trần Cảnh Kh1 , bà Nguyễn Thị Kh tờ bản đồ số 24, thửa 342 phố Phúc H , phường Phúc Th do trái với Điều 106 Luật Đất đai.

- Giải quyết tiền chi phí tố tụng (chi phí thẩm định, định giá tài sản) số tiền anh chị đã nộp là 7.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Kh 4 , chị Nữ đề nghị Tòa án: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với vợ chồng anh chị.

Tại bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N B (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 155, 157, 158, 163, 165, 166, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 105, 107, 136 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 163, 164, 175, 176, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh Kh và ông Trần Cảnh Kh1 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Cảnh Kh1 là bà Nguyễn Thị B , anh Trần Minh Kh , anh Trần Minh Kh2 , chị Trần Quỳnh Th , anh Trần Minh Kh3) về việc: buộc anh Phạm Đăng Kh4 , chị Đỗ Thị N phải tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho nguyên đơn là 2,8m^2 đất thuộc thuộc thửa số 342 tờ bản đồ số 24, tại phố Phúc H , phường Phúc Th , thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Vị trí, kích thước như sau: từ phía Bắc thửa đất giáp ngõ 44 sâu vào trong thửa đất dài 6,8m x 0,05m; đoạn tiếp dài 10m x 0,2m; đoạn tiếp theo dài 0,55m x 0,05m; bồi thường thiệt hại do có lỗi trong việc xây dựng làm nhà anh Kh bị ngấm nước gây thiệt hại tài sản, sức khỏe đối với nguyên đơn.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí tố tụng: nguyên đơn anh Trần Minh Kh ; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trần Cảnh Kh1 là bà Nguyễn Thị B , anh Trần Minh Kh , anh Trần Minh Kh2 , chị Trần Quỳnh Th , anh Trần Minh Kh3 phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản

7.000.000 đồng (bảy triệu dồng), được trừ vào số tiền tạm ứng anh Trần Minh Kh đã nộp là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2024 ông Trần Minh Kh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26/9/2024, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm, dỡ bỏ phần công trình xây dựng trái phép lấn chiếm sang và bồi thường thiệt hại bức tường do bị đơn cản trở xây dựng làm bức tường cong vẹo ngấm nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình, ông Kh bổ sung thêm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán chi phí cho việc đi lại khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án quyết định:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần Minh Kh . Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố N B (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hoa L),tỉnh Ninh Bình.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Minh Kh là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh Kh làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị B , ông Trần Minh Kh2 , ông Trần Minh Kh3 , bà Trần Quỳnh Th là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Cảnh Kh1 vắng mặt không có lý do. Ông Lê Tiến D là người đại diện hợp pháp của UBND thành phố Hoa L , tỉnh Ninh Bình vắng mặt; ông Phạm Đăng Kh4 vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

Tại phần tranh luận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị tạm dừng phiên tòa để tiến hành đo đạc, thẩm định lại. Hội đồng xét xử xem xét không có căn cứ để chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, hồ sơ địa chính của thửa đất xác định:

Nguồn gốc đất của gia đình ông Kh và gia đình ông Kh4 (tại Trích lục bản đồ năm 1991, Tờ bản đồ số 2, thửa 366 Kh4 61m^2, thửa 367 Kh 1 60m^2. GCNQSD đất số A 959400 ngày 05/11/1991 ông Trần Cảnh Kh1 được quyền sử dụng 60m^2 đất tại thửa 367 tờ bản đồ số 2 tại phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình, tỉnh Hà Nam Ninh (không thể hiện kích thước). GCNQSD đất số A959398 ngày 05/11/1991 anh Phạm Đăng Kh4 được quyền sử dụng 61m^2 đất tại thửa 366, tờ bản đồ số 2 tại phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình, tỉnh Hà Nam Ninh (không thể hiện kích thước), hiện nay chính là số nhà 13 và số nhà 15 thuộc ngõ 44, đường Kim Đồng, phố Phúc H , phường Vân Gi , thành phố Hoa L có là do các gia đình mua thanh lý hóa giá khu nhà tạm B6 năm 1990 của UBND phường Lương Văn T.

Ngày 27/7/2004 UBND thị xã Ninh Bình cấp đổi GCNQSD đất, ông Trần Cảnh Kh1 , bà Nguyễn Thị Kh được công nhận quyền sử dụng 62,8m^2 đất tại thửa 342 tờ bản đồ số 24, kích thước (4,1 x 15,5 x 4,1 x 14,7)m. Ông Phạm Đăng Kh4 , bà Đỗ Thị N được công nhận quyền sử dụng 63,4m^2 đất, thửa 343 tờ bản đồ số 24, kích thước [4,2 x (14,7 + 0,9) x 4,2 x (2,9 + 12,5)]m. Tuy nhiên, các đương

sự và cơ quan chức năng không cung cấp được hồ sơ kỹ thuật của các thửa đất, biên bản đo đạc nên không đủ căn cứ để xác định các nội dung nêu trong GCNQSD đất có phù hợp với thực tế hay không. Vì vậy đến năm 2011, 2013 đã bị UBND thành phố N B thu hồi GCNQSDĐ của gia đình ông Kh 1 với lý do cấp GCNQSDĐ mang tên bà Khước đã mất 36 năm là không đúng quy định của pháp luật và cấp không đúng diện tích đất ban đầu tăng 2,8m^2 đất; còn gia đình ông Kh4 bà Nữ cũng bị UBND thành phố N B thu hồi GCNQSDĐ với lý do cấp đổi không đúng diện tích đất ban đầu được cấp tăng 2,4m^2 đất.

Do đó cho đến nay, GCNQSDĐ do UBND tỉnh Hà Nam Ninh cấp năm 1991 cho gia đình ông Kh 1 được quyền sử dụng diện tích 60m^2 đất ở lâu dài và gia đình ông Kh4 được quyền sử dụng diện tích 61m^2 đất ở lâu dài không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi hay hủy bỏ theo quy định của pháp luật nên các GCNQSDĐ vẫn có hiệu lực pháp luật và là cơ sở pháp lý để xác định diện tích đất gia đình ông Kh 1 và ông Kh4 được quyền sử dụng hợp pháp.

Quá trình sử dụng đất, năm 2007 gia đình ông Kh phá nhà tạm xây dựng nhà kiên cố thì phát hiện ranh giới giữa hai thửa đất không thẳng và xảy ra tranh chấp với gia đình ông Kh4 diện tích 2,3m^2 đất có kích thước chiều rộng phía bắc 0,05m, chiều dài 17,35m giáp với gia đình ông Kh 4 . Phía ông Kh4 xác định sau khi chia đất gia đình xây dựng công trình trên đất với từng công trình ở các thời gian khác nhau, cụ thể: phần phía trước thửa đất giáp mặt đường ngõ xây móng nhà dài 6m vào năm 1990 đến năm 1994 xây dựng nhà trên móng; phần giữa thửa đất dài 6,3 m là gian buồng và phía giáp thửa đất ông Kh để đất trống không xây móng; phần cuối thửa đất xây bếp mái ngói dài 3m đến năm 1998 xây mái bằng kiên cố. Ông Kh4 cho rằng trong các lần gia đình ông xây dựng gia đình ông Kh đều biết và không có ý kiến gì. Đến năm 2007 gia đình ông Kh xây dựng nhà kiên cố mới phát sinh tranh chấp ranh giới thửa đất với gia đình ông Kh 4 .

Tuy nhiên các bên đương sự không cung cấp được quyết định hóa giá nhà và quyết định giao đất. Tại GCNQSDĐ của gia đình ông Kh 1 và gia đình ông Kh4 được cấp năm 1991 chỉ ghi diện tích, không thể hiện có sơ đồ vị trí, kích thước các chiều cạnh của thửa đất do đó không có căn cứ để xác định các gia đình được công nhận quyền sử dụng đất với kích thước các chiều cạnh cụ thể.

Như vậy, thửa đất thửa 366 và 367 tờ bản đồ số 2 tại phường Lương Văn T, thị xã Ninh Bình, tỉnh Hà Nam Ninh khi được chia năm 1990 không có tài

liệu, chứng cứ nào thể hiện các gia đình được giao đất có kích thước, chiều cạnh để làm căn cứ xác định hiện trạng. Ông Kh cho rằng sau khi giao đất mỗi chủ sử dụng đất được chia thêm 10cm đất nên chiều rộng thửa đất tăng thêm thành 4,1m nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc được giao thêm nên không có cơ sở xác định chiều rộng thửa đất như lời trình bày của ông Kh . Tuy nhiên, ông Kh đã xác định thửa đất của ông Kh 1 (bố ông Kh) khi được cấp có diện tích 60m^2 kích thước chiều rộng 4m, dài 15m (BL 75, 695). Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 kèm theo sơ đồ hiện trạng tài sản thể hiện: diện tích đất của gia đình ông Kh là 72,1m^2 trong đó chiều rộng giáp mặt đường phía bắc rộng 4,05m, giáp rãnh nước phía nam rộng 4 m, chiều dài giáp đất của ông Tiệm dài 17,88m, giáp đất của ông Kh4 dài 17,36m. Diện tích đất của gia đình ông Kh4 là 72,8m^2 trong đó chiều rộng giáp mặt đường phía bắc rộng 4,13m giáp rãnh nước phía nam rộng 4,12m; chiều dài giáp nhà ông Kh dài 17,36m, giáp nhà ông Chu dài 17,02m.

Đối chiếu diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ năm 1991 của hai bên đương sự với diện tích đất các gia đình đang sử dụng theo biên bản thẩm định tại chỗ thấy các bên đương sự đang sử dụng tăng diện tích so với diện tích được Nhà nước công nhận được quyền sử dụng đất hợp pháp năm 1991. Ông Kh cho rằng diện tích đất nhà ông bị thiếu ở chiều rộng thửa đất tại phần giữa thửa đất giáp với nhà ông Kh4 có chỗ chỉ có 3,99m theo biên bản đo đạc của Tòa án ngày 16/7/2009. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Kh thì phần giữa thửa đất sau khi được chia đất năm 1990 gia đình ông đã xây dựng nhà tạm; còn gia đình ông Kh4 xác định sau khi được chia đất gia đình xây móng nhà phần trước thửa đất giáp mặt đường sau 04 năm mới xây nhà trên móng. Như vậy, việc xác định ranh giới giữa hai thửa đất đã được gia đình ông Kh xây nhà tạm ở phần giữa thửa đất đã xác định ranh giới trước; gia đình ông Kh4 xây móng nhà đã xác định ranh giới thửa đất với gia đình ông Kh ở phần trước thửa đất. Hai bên gia đình xây dựng công trình trên đất, tự xác định ranh giới với thửa đất liền kề và các bên không xảy ra tranh chấp ranh giới trong khoảng thời gian dài từ năm 1990 đến năm 2007 gia đình ông Kh mới phát sinh tranh chấp khi phá nhà tạm để xây nhà kiên cố. Do đó, việc ông Kh cho rằng gia đình ông đang thiếu đất chiều rộng đoạn giữa thửa đất là do gia đình ông Kh4 lấn chiếm là không có cơ sở. Không có căn cứ xác định vợ chồng ông Kh4 bà Nữ lấn chiếm đất của

gia đình ông Kh nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh 1 là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, ông Trần Minh Kh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ, hợp pháp. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Kh ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố N B (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

[3] Về án phí: ông Trần Minh Kh là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đủ điều kiện được miễn nộp án phí; do đó miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố N B (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hoa L), tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Minh Kh .

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/4/2025).

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND thành phố Hoa L ;
- Chi cục THA - TPHL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP; Lưu Tòa DS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Bùi Thị Thảo